1. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn này đưa ra các căn cứ tính số ngày công và tính phí đánh giá đối với các cuộc đánh giá chứng nhận sản phẩm của Trung tâm Giám định-Chứng nhận sản phẩm Viện Nghiên cứu Dệt May.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng với tất cả các hoạt động xác định thời gian đánh giá để lên kế hoạch đánh giá và tính phí đánh giá.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17065: 2013
- IAF MD5:2015

Trường hợp các văn bản quy phạm phạm pháp quy viện dẫn hoặc tham chiếu trong tài liệu này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

- **Thời gian đánh giá** cho tất cả loại hình đánh giá là thời gian hiệu quả đo được cho một ngày của đánh giá viên cần có để thực hiện hoạt động đánh giá (bao gồm thời gian đánh giá tại khách hàng, thời gian lập kế hoạch, xem xét tài liệu và viết báo cáo).

- **Ngày công đánh giá** là thời gian thường kéo dài 8h và có thể hoặc không bao gồm thời gian di chuyển hoặc thời gian ăn trưa phụ thuộc vào luật địa phương.

- **Số nhân viên chính thức** bao gồm nhân viên làm toàn thời gian liên quan trong phạm vi chứng nhận bao gồm cả việc làm ở mỗi ca. Nhân viên làm việc không lâu dài (theo mùa vụ, tạm thời và làm hợp đồng có thời hạn) và làm bán thời gian sẽ không được tính số lượng trong thời gian đánh giá.

5. NỘI DUNG

Phương pháp tính thời gian đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 5

5.1 Quy định chung về phương pháp tính thời gian

- Số ngày công đánh giá có thể phụ thuộc vào các yếu tố như: số lượng nhân viên; số dòng sản phẩm; sản lượng; số lượng dây chuyền/nhà máy sản xuất… Các yếu tố giảm số ngày công đánh giá phụ thuộc vào một hoặc các điều kiện sau: khách hàng đã có hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận được thừa nhận; Sản phẩm được đánh giá có các chứng nhận về chất lượng, an toàn tương đương còn hiệu lực từ Tổ chức chứng nhận được thừa nhận; Độ phúc tạp của quy trình sản xuất…

- Cơ sở tính thời gian đánh giá của cuộc đánh giá ban đầu (GĐ1 + GĐ2) được tính dựa trên số lượng nhân viên theo bảng chuyển đổi 1. Các bảng chuyển đổi dựa trên số nhân viên chính thức và thời gian đánh giá này phụ thuộc vào một số yếu tố khác sẽ được mô tả ở bảng 2.

5.1.1 Thời gian đánh giá ban đầu

Thời gian đánh giá liên quan đến lập kế hoạch, chuẩn bị và báo cáo bằng văn bản không được quá 20% tổng số thời gian được tính theo bảng QMS 1. Trường hợp bổ sung thời gian cho việc lập kế hoạch, viết báo cáo thì thời gian này cũng không được điều chỉnh để làm giảm thời gian đánh giá tại chỗ.

Thời gian đánh giá chứng nhận có thể bao gồm cả kỹ thuật đánh giá từ xa như thông qua tương tác Web, điện thoại (theo Hướng dẫn IAF MD4). Các hoạt động đánh giá này phải được thể hiện rõ trong kế hoạch đánh giá và thời gian cho phương pháp đánh giá được tính vào tổng thời gian đánh giá tại chỗ. Nếu chuyên gia lập kế hoạch đánh giá cho các hoạt động đánh giá từ xa đại diện cho hơn 30% thời gian đánh giá tại chỗ, chuyên gia phải xem xét phải lý giải kế hoạch đánh giá và duy trì hồ sơ về những lý giải này và phải sẵn có cho tổ chức công nhận xem xét. Nhưng các hoạt động đánh giá từ xa không được đại diện trên 50% tổng thời gian đánh giá.

Lưu ý:

- *Thời gian đánh giá tại chỗ sẽ liên quan đến thời gian đánh giá cho từng địa điểm riêng. Đánh giá điện tử của các địa điểm xa được xem xét để điều khiển các cuộc đánh giá, thậm chí đánh giá điện tử được thực hiện tự nhiên trên cơ sở của tổ chức.*
- *Bất kể việc kỹ thuật đánh giá điện tử được sử dụng thì khách hàng phải được đến đánh giá hàng năm.*
- *Với những công ty đang duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (giấy chứng nhận còn hiệu lực) thì ngày công có thể chỉ căn cứ trên sản lượng sản phẩm nhưng không được ít hơn một manday.*
- *Với những công ty đang duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (giấy chứng nhận hết hiệu lực) thì ngày công có thể bằng cách tính thống thường như mục 5.9 dưới đây trừ đi 1 nhưng không được ít hơn một manday.*

Thời gian đánh giá được tính toán theo mục 5.3 và 5.4

5.1.2 Đánh giá giám sát

Thời gian đánh giá giám sát cho tổ chức sẽ tương ứng với ½ thời gian được yêu cầu cho cuộc đánh giá ban đầu,.

5.1.3 Chứng nhận lại

Thời gian chứng nhận lại sẽ được tính trên cơ sở thông tin cập nhật của khách hàng và thông thường khoảng 2/3 thời gian được yêu cầu cho cuộc đánh giá ban đầu của tổ chức.

5.2 Các nhân tố ảnh hưởng tới thời gian đánh giá theo phương thức 5

Các nhân tố bổ sung sau đây là cần thiết để được xem xét (tuy nhiên có những nhân tố không được mô tả hết ở đây):

A. Tăng thời gian đánh giá

- Hoạt động phụ trợ phức tạp liên quan nhiều địa điểm
- Người lao động đến từ các quốc gia khác nhau và sử dụng nhiều ngôn ngữ
- Nhân viên làm việc trong một địa điểm rất lớn (ví dụ: Kiểm lâm)
- Mức độ yêu cầu của luật cao (vd: Hàng không, thực phẩm, dược..)
- Các hoạt động mà yêu cầu đến đánh giá các địa điểm tạm thời để xác nhận các hoạt động của địa điểm cố định mà hệ thống quản lý được mô tả trong chứng chỉ.

B. Giảm thời gian đánh giá

- Khách hàng không có hoạt động "Thiết kế" hoặc một điều khoản được loại trừ không phải áp dụng.
- Các sản phẩm và quá trình có rủi ro thấp
- Địa điểm làm việc tập trung và nhỏ.
- Mức độ thành thạo của việc áp dụng Hệ thống
- Đánh giá kết hợp một hệ thống tích hợp của hai hoặc nhiều hệ thống quản lý.

- Sự hiểu biết trước đó đối với hệ thống quản lý của khách hàng (vd đã được chứng nhận một tiêu chuẩn khác bởi tổ chức chứng nhận khác như thế)
- Các hoạt động có độ phức tạp thấp
- Các quá trình liên quan đến các hoạt động có đặc điểm chung (vd dịch vụ)
- Các hoạt động giống nhau được thực hiện ở tất cả các ca với bằng chứng thích hợp của việc thực hiện tương đương với tất cả các ca dựa vào cuộc đánh giá trước đó (nội bộ và đánh giá chứng nhận)
- Nhân viên thực hiện cùng một chức năng giống nhau

Tất cả các thuộc tính của hệ thống khách hàng, quá trình, sản phẩm và dịch vụ được xem xét và điều chỉnh hợp lý phù hợp cho các yêu tố mà có thể lý giải đối với thời gian đánh giá tăng hoặc giảm để cuộc đánh giá được hiệu quả. Các yêu tố bổ sung có thể được bù đắp bởi các yếu tố giảm bớt.

5.3 Tính số ngày công (MD) đánh giá tại cơ sở cho phương thức 5

Bảng 1 chỉ cung cấp thông tin cơ sở cho ước lượng thời gian của một cuộc đánh giá ban đầu (Giai đoạn 1 + giai đoạn 2) . Trong trường chuyên gia muốn giảm trừ thời gian đánh giá tại chỗ thì có thể căn cứ dựa trên bảng 2 & 3 để giảm theo nguyên tắc sau:

Bảng 1. Bảng tính thời gian đánh giá (manday)

Số nhân viên chính thức	Thời gian đánh giá GĐ 1 + GĐ 2 (ngày)	Số nhân viên chính thức	Thời gian đánh giá GĐ 1 + GĐ 2 (ngày)
1-5	1.5	625-875	12
6-10	2	876-1175	13
11-15	2.5	1176-1550	14
16-25	3	1551-2025	15
26-45	4	2026-2675	16
46-65	5	2676-3450	17
66-85	6	3451-4350	18
86-125	7	4351-5450	19
126-175	8	5451-6800	20
176-275	9	6801-8500	21
276-425	10	8501-10700	22
426-625	11	>10700	Theo lũy tiến trên

Bảng 2. Hệ số phức tạp chuyển đổi cho các vùng trong bảng QMS:

Vùng	Hệ số phức tạp
A	0.15
B	0.25
C	0.4
D	0.55
E	0.75
F	1

Bảng 3 – Mối quan hệ giữa độ phức tạp và thời gian đánh giá

1 địa điểm sản xuất Quá trình ít Phạm vi lớn (>10 chủng loại sản phẩm) Quá trình lặp lại Đơn giản nhỏ (B)	Nhiều địa điểm Quá trình ít Phạm vi nhỏ (<10 chủng loại sản phẩm) Quá trình lặp lại Đơn giản rộng (C)	Nhiều địa điểm sản xuất Quá trình ít Phạm vi lớn (>10 chủng loại sản phẩm) Quá trình lặp lại Đơn giản rộng (D)
1 địa điểm sản xuất Quá trình ít Phạm vi nhỏ (<10 chủng loại sản phẩm) Quá trình lặp lại Đơn giản nhỏ (A)	Phức tạp rộng Nhiều địa điểm Nhiều quá trình Phạm vi rộng Quá trình đặc thù Trách nhiệm thiết kế (F)	Nhiều quá trình Trách nhiệm thiết kế Phạm vi lớn Quá trình đặc thù Độ phức tạp nhỏ (E)

Số ngày công đánh giá MD được xác định theo công thức sau:

MD = N(M1*R)

Trong đó:

M1 là ngày công tra theo bảng 1 , Trường hợp đơn vị được chứng nhận có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo ISO đang còn hiệu lực thì M1 sẽ được tính bằng ngày công tra theo bảng 1 trừ đi 1 nhưng không ít hơn 0,5 manday.

R: hệ số tra qui đổi dựa trên lựa chọn ở bảng 3 để tra theo bảng 1

N là làm tròn đến 0,5 (ví dụ nếu M1xR=1.2 thì làm tròn thành 1,5. Nếu M1xR=1.76 thì làm tròn thành 2).

- Số ngày công đánh giá phụ thuộc vào: số lượng nhân viên; số dòng sản phẩm; sản lượng. Tuy nhiên ngày công thực tế khi đánh giá tại cơ sở có thể giám so với tính toán theo bảng và công thức trên. Các yếu tố giảm số ngày công đánh giá phụ thuộc vào khách hàng đã có hệ thống quản lý chất lượng chưa, độ phức tạp của quy trình sản xuất, của cơ cấu sản phẩm, thời gian chứng chỉ chứng nhận hệ thống chất lượng còn hiệu lực.

- Trường hợp khách hàng có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 hoặc các chứng chỉ chứng nhận tương đương khác còn hiệu lực thì việc giảm trừ ngày công có thể tham khảo bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Giảm trừ ngày công (MD) cho tổ chức có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng:

Vùng	Mức giảm
A	1
B	1
C	0.5
D	0.5

- Trường hợp sản phẩm đánh giá chứng nhận thường xuyên chỉ chiếm <10% sản lượng sản xuất của nhà máy và không thể tách riêng khu vực/nhân lực với các dòng sản phẩm khác không thuộc lĩnh vực đánh giá thì phần sô lượng nhân viên cho tính công sẽ được tính tương đương với tỷ lệ sản lượng của sản phẩm được chứng nhận.

- Bằng chứng của việc xem xét bao gồm bất kỳ lý giải nào đối với thời gian đánh giá phải được lưu hồ sơ.

5.4 Phương pháp tính thời gian đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 7

MD=M1.k.n

M1 là ngày công tra theo bảng số 5

K: hệ số khối lượng lô công tra theo bảng số 6

N: Số địa điểm lấy mẫu

Bảng 5: Bảng tính thời gian đánh giá PT7 (manday)

Chủng loại sản phẩm trong lô (tính cho 1 địa điểm lấy mẫu)	M1	Chủng loại sản phẩm trong lô (tính cho 1 địa điểm lấy mẫu)	M1
2-8	0.5	151-280	1.5
9-15	0.5	281-500	1.5
16-25	0.5	501-1200	2
25-50	1	1201-3200	2.5
51-90	1	3201-10000	2.5
91-150	1		

Bảng 6: hệ số khối lượng lô

Đơn vị sản phẩm cho mỗi chủng loại trong lô hàng	*k*	*Đơn vị sản phẩm cho mỗi chủng loại trong lô hàng*	*k*
≤10	*0.25*	*>500≤10000*	*0.75*
<10≤500	*0.5*	*>10000*	*1*

5.5 Tính phí chứng nhận

Phí chứng nhận sẽ được tính căn cứ trên số manday và các chi phí liên quan khác tại thời điểm đánh giá như phí đi lại, ăn ở của chuyên gia, phí thử nghiệm; phí xem xét tài liệu, thẩm xét…../.